

## Chữ nghĩa làng văn

*“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải.*

*Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.*

\*\*\*

### Văn hóa ẩm thực: Thịt kho tàu

Thịt kho tàu không phải là món ăn của người...Tàu.  
Đúng ra là “tàu”. Tàu đây hiểu theo người Nam ở miền dưới như sông Cái Tàu Thượng, sông Cái Tàu Hạ.  
Tàu nghĩa là... “lạt”.  
Và kho tàu là kho lạt lạt chứ không phải là kho mặn.  
Tàu chứ không phải là...Tàu hay kho theo Tàu. Vì bên Tàu lạnh nên không có dưa để có nước dưa tươi chêm vào nồi thịt kho tàu.

(Bình Nguyên Lộc)

### Nguồn gốc địa danh Sài Gòn

Đã có nhiều thuyết về nguồn gốc địa danh Sài Gòn. Theo Bình Nguyên Lộc, tất cả những thuyết ấy đều có chỗ không ổn.

Theo ông: Sài Gòn là từ Sài Gònong, mà Sài Gònong là tên của một vùng ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu. Đất Sài Gòn vốn là Gia Định kinh. Khi Gia Định kinh bị Pháp chiếm, người Việt bỏ đi nhiều, người Tàu từ Đền Ngạn (Chợ Lớn) ủa ra ở, đặt lại tên thành phố là Sài Gònong để tưởng nhớ quê hương bên Tàu của họ.

Liệu đây có phải sự thực về cái tên đất này chưa? Sai hay đúng thì cái tên Sài Gòn đã đi vào...cổ sử từ lâu.

(Thu Tứ - Gocnhin.net)

### Nhất tướng công thành vạn cốt khô

Nhiều người hiểu “công thành” ở đây là “tấn công” một cái thành để hiểu sai thành ngữ trên là “một ông tướng mà tấn công thành thì tổn vạn xương cốt”.

Thực ra “công thành” ở đây là “thành công”. Vì vậy câu trên nên hiểu là “một ông tướng thành công thì hàng vạn quân lính phải vong thân, xương cốt chết thành đống”.

Người Việt và người Tàu dùng chữ khác nhau: Như “khứ hồi” là “hồi khứ”, “tiền sử” thay vì “sử tiền”. Ngày nay, người trong nước theo chân người Tàu đảo ngược lại với đơn giản là *giản đơn*, bảo đảm là *đảm bảo*, dãi dầu là *dầu dãi*, vui đập là *đập vui*..v.v.. Nói khác đi người trong nước đang nói tiếng...Tàu mà họ không hay.

(Duy Lý – báo Tự Do)

## Tứ thời bát tiết

Trong câu đối ngày Tết của cụ Nguyễn Khuyến viết cho anh hàng thịt hàng xóm góa vợ:

*Tứ thời bát tiết canh chung thủy  
Ngạn liễu gò bồ dục điểm trang*

“Tứ thời” theo âm lịch có bốn mùa. Mỗi mùa ba tháng. Năm chia làm 24 tiết. Một tháng có hai tiết (giữa tháng và đầu tháng).

“Bát tiết” tức tám tiết trong một năm: Xuân phân, thu phân, hạ chí, đông chí và lập xuân, lập hạ, lập thu, và lập đông.

(Khuyết danh)

## Thơ Bàng Bá Lân và ca dao...

*Hỡi cô tát nước bên đàng  
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*

Hai câu thơ trên là của Bàng Bá Lân, hay ca dao nhập vào hồn thơ thi sĩ? Vẫn còn là nghi vấn trong xóm làng văn chương?

## Những dị biệt trong Truyện Kiều

Truyện Kiều có 7 ấn bản khác nhau... Theo Hoàng Xuân Hãn phải biết tiếng Nôm, nhiều khi gặp tiếng địa phương lại khác nữa, như:

*Dưới cầu nước chảy trong veo  
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Thướt tha trong nguyên bản là “*tha ra*” có ý là bóng chiều không rơi thẳng mà rơi xiên.

(Thụy Khuê – Nguyễn Đình Toàn)

## Lính thú đời xưa

Ba năm trấn thủ lưu đồn

...

*Những giang cùng nửa lấy ai bạn cùng*

“*Giang*” là một loại tre thân dẻo, đốt dài, được để làm lạt buộc (lạt giang). Xưa kia tổ tiên ta xưa dùng tre này để làm ra lửa, bằng cách lấy hai cật dang khô cọ vào nhau.

Từ *giang* có dang nắng (phơi nắng) và tiếp là *rang*, có gạo rang, bắp rang, cơm rang.

(Nguyễn Xuân Quang – đặc san Cường Đễ)

## Chữ nghĩa trong câu đối

Câu đối chữ Nho gọi là *doanh thiếp* hoặc *doanh liên*. *Doanh* là cột trước cửa nhà, *thiếp* (ngày xưa khắc lên đá được gọi là *thiếp*) là tấm lụa hay mảnh giấy có *viết chữ và liên là đối nhau*. Tức những câu văn đi đôi với nhau thế nào cho ý, chữ và luật bằng trắc cân xứng với nhau. Trong bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan là minh chứng về sự chuẩn mực trong phép đối:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

(Nguyễn Kiến Thiết – báo Thời Báo)

## Cà cáy, cà kê dê ngỗng

*Phải nường “con cáy”  
Để mà cúng tội*

Câu ca dao trên, theo ông Thái Văn Kiểm vùng Bình-Trị-Thiên thường nói gà gáy là: “cà cáy”. Câu quen nói “cà kê dê ngỗng” đúng ra là “cà kê *nghe* ngỗng”. Vì “*nghe*” là một loài ngan, vịt.

(Lê Văn Lân – Do đâu có chuyện “cà kê”)

## Chữ nghĩa từ Nam ra Bắc

Một giáo sư khoa Văn đại học Tổng Hợp, Hà Nội, đồng thời là nhà phê bình văn học nhận xét:

Có một điều nghịch lý là gần đây, hàng loạt từ địa phương ở miền Nam tràn ra miền Bắc, dần dần lấn lướt, thậm chí thay thế những từ đã chuẩn hoá từ nhiều đời. Lợn lành chữa thành lợn què, đang trương biển Công ty gạch hoa, lại sửa thành Công ty *gạch bông*, đang thiếp mời lại sửa thành *thiếp mời*, đang kem cốc lại sửa thành *kem ly*. Trên thực đơn các cửa hàng ăn, các chữ rang và rán biến mất, nhất loạt thay thế bằng chữ *chiên*: *cơm chiên* thay vì cơm rang; *cá chiên*, *đậu chiên* thay vì cá rán, đậu rán...

## Từ điển với tiếng Việt

*Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, được Phạm Văn Đồng khen ngợi là: “Chuẩn hóa tiếng Việt và giữ gìn trong sáng cho tiếng Việt”. Hoàng Ngọc Hiến, một nhà phê bình văn học miền Bắc phê bình: “Ông Phạm Văn Đồng nói câu ấy là...thiếu văn hóa”.

Vì khi giảng giải những từ của miền Nam “*mền*” (chăn), “*mùng*” (màn). Nhà soạn từ điển thuộc Viện Ngôn Ngữ Học đã ghi chú là *thổ ngữ*. Vậy chứ nếu có từ điển nào khác ghi chú “*vùng*, *lạc*” là...*thổ ngữ* thì độc giả miền Bắc sẽ nghĩ sao?

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bẽ bè)

## Nam nữ *thọ thọ* bất thân...

Với câu trên có người luận ra “*thọ*” là “sống lâu”, là “muôn đời”. “Nam nữ *thọ thọ* bất thân” hiểu nghĩa trai gái muôn đời không được thân với nhau. Nhưng viết đúng ra là “Nam nữ *thụ thụ* bất thân”. Riêng phần viết chữ Hán hai chữ “*thụ thụ*” rất rõ nghĩa vì hai chữ này viết khác nhau: Chữ “*thụ*” trước là đưa. Chữ “*thụ*” sau là nhận. Như vậy “*thụ thụ*” là đưa và nhận. Nghĩa đen khi trai gái khi đưa và nhận (đồ vật) không được đụng chạm người vào nhau. Nghĩa bóng là lúc giao tế, trai gái không được quá thân mật ngoài vòng lễ giáo.

(Duy Lý – báo TỰ DO)

## Nguồn gốc tiếng Việt

Thái Văn Kiểm cũng có cùng quan điểm lập luận như Lê Ngọc Trụ và cho rằng, dân Bách Việt phát xuất từ miền nam Trung Hoa và giống dân Lạc Việt sinh sống lâu đời tại đồng bằng miền hoàn toàn không cùng chủng tộc. Sau nhiều cuộc xung đột, hai giống tộc này đã chịu hòa đồng chung sống với nhau như một đại tộc.

Về sau, người Mường, cũng là sắc dân Lạc, đã chạy vào ẩn núp trong núi rừng, cao nguyên, để tránh sự xâm lăng đô hộ của người Tàu. Nhờ đó, họ vẫn giữ nguyên được ngôn ngữ,

phong tục tập quán trước thời kỳ Bắc thuộc. Do đó các nhà nhân chủng học cho rằng: " người Mường là Tiên-Việt" (proto Vietnamiens), vì trong ngôn ngữ, tục lệ có nhiều điểm tương đồng với người Lạc. Ông có tìm được bản văn Mường-Việt nói về sự tích của sông Pờ (sông Bờ, tức sông Hồng ngày nay) trong quyển Cours de Langue Annamite của A. Cheon, xuất bản tại Hà Nội năm 1899-1901.

Nguyên văn:

"Khây khước măng pâu pô. Khi trước nghe người ta nói rằng cỏ mống ông, thân hóp là rằng có một ông tên gọi là ông Tùng, mà cỏ hai vợ chồng; ông Đồng, mà cỏ hai vợ chồng nã rú ra té nã lấp cái nó rủ nhau để nó lập cái ksông Pơ. Nã tan lẽ ksông sông Bờ. Nó toan lấy sông Pờ pao tất Thạch Bi. Bơ nã Bờ vào đất Thạch Bi. Vợ nó mê, ti lê ksú tê, nã lấp mới đi lấy đá, để nó lấp ksông. Lòng khởi skinh tha sông. Lòng trời sinh ra mớch ông hóp là ông Sách; một ông gọi là ông Sắt; mẹ thuồng mê thếch pát bởi mới xuống mới thách vật với ông Tùng. Nã me pao lò, nã ông Đồng. Nó mới vào lò; nó tỏ ming nã pát ông Tùng đồ mình nó mới vật ông Đồng. Ông Tùng mê chải hết ming, ông Đồng mới cháy hết mình, mê chết. Cho đến cái ksông mới chết. Cho đến cái sông dĩ chẳng lấp ản, mê dênh cái cây chẳng lấp được, mới nên cái Thác pờ dĩ. Thác bờ ấy."

Đọc đoạn văn trên, ta thấy tiếng Việt được chuyển dịch xen kẽ lẫn vào bản văn tiếng Mường, rất tối nghĩa. Nên phải tách ra hai bản Mường và Việt rõ ràng để dễ đọc và so sánh:

Bản văn tiếng Mường:

"Khây khước măng pâu pô, cỏ mống ông thân hóp ông Đồng, mà cỏ hai vợ chồng nã rú ra té nã lấp cái ksông Pơ. Nã tan lẽ ksông Pờ pao tất Thạch Bi. Bơ nã mê, ti lê ksú tê nã lấp ksông. Lòng khởi skinh tha mớch ông hóp là ông Sách mẹ thuồng mê thếch pát bởi ông Đồng. Nã me pao lò, nã tỏ ming nã pát ông Đồng. Ông Đồng mê chải hết ming, mê chết. Cho đến cái ksông dĩ chẳng lấp ản, mê dênh cái cây cái Thác pờ dĩ."

Bản văn dịch sang tiếng Việt:

"Khi trước nghe người ta nói rằng, có một ông tên gọi là ông Tùng, mà cả hai vợ chồng nó rủ nhau để nó lấp cái sông Bờ. Nó toan lấy sông Bờ vào đất Thạch Bi. Vợ nó mới đi lấy đá, để nó lấp sông. Lòng trời sinh ra một ông gọi là ông Sắt mới xuống mới thách vật với ông Tùng. Nó mới vào lò, nó đồ mình nó vật ông Tùng. Ông Tùng mới cháy hết mình, mới chết. Cho nên cái sông ấy chẳng lấp được, mới nên cái Thác bờ ấy."

(Tĩnh Túc - thanh.nguyen@student.uni-ulm.de)

## Gia Định Báo

*Gia Định Báo* là tờ báo do nhà cầm quyền Pháp chủ trương.

Số 1 ra ngày 15-4-1865, do Ernset Potteaux làm Chánh Tổng Tài. Chức vụ này có lẽ bao gồm Chủ nhiệm, Chủ bút và luôn cả Quản lý. Từ năm 1869-1872, *Trương Vĩnh Ký* được cử làm Chánh tổng tài. Rồi tới *Huỳnh Tịnh Của* tức Paulus Của năm 1880.

Tiếp đó đến tờ Nam Kỳ Nhật Trình (số 1 ra ngày 21/10/1897).

(Huỳnh Ái Tông – Báo chí)

## Tục ngữ Tàu và Ta

Bất kiến quan tài bất xuất nhân lệ.

(Không thấy quan tài, chưa rơi nước mắt)

Thập niên 60 ở miền Nam có câu "*chưa thấy quan tài chưa đổ lệ*". Tiếp đến theo thời thế đi vào chữ nghĩa làng văn với... "*từ chết đến bị thương*".

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

## Tiếng Việt...rày rà

Hỏi:

- Tào lao là gì? Bạn nào biết xin cho biết, xin cảm ơn.

Đáp:

- Hỏi...Tào Tháo.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Tiếng Việt trong sáng

Năm 1979, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục tổ chức một số cuộc hội thảo về vấn đề chuẩn hoá tiếng Việt. Bộ Giáo dục cũng thông qua một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục. Ngày 01/7/1983, Quyết nghị của Hội đồng chuẩn hoá chính tả và Hội đồng chuẩn hoá thuật ngữ đã được ban hành và áp dụng cho các sách giáo khoa, báo và văn bản của ngành giáo dục. Khi tiếng Việt được thống nhất và chuẩn hoá, toàn quốc sử dụng chung một thứ ngôn ngữ theo một tiêu chuẩn, mẫu mực nhất định.

Hãy thử “ra soát” một số từ dưới đây xem sao:

*Tư liệu* - Trước đây ta vốn dùng chữ "tài liệu". Người miền Bắc dùng chữ “tư liệu” trong ý: “*tài liệu riêng của người viết*”.

(Mặc dù nhiều khi tài liệu sử dụng lại là tài liệu lấy trong thư viện chứ chẳng phải là...tài liệu riêng của ông ta).

*Cửa khẩu* – Không đồng nghĩa với hải cảng vì hải là biển. Cảng là cơ sở có tiện nghi đón tiếp tàu bè (hải cảng, giang cảng), xe cộ (xa cảng), máy bay (phi cảng). Chỉ có thể gọi là *cửa khẩu* khi nói xuất nhập trên bộ.

Trường hợp này không cần dùng chữ *khẩu* là chữ Hán. Như nói Cửa Nam Quan, Cửa Tân Châu...cũng là đủ.

(Nguồn Chu Đậu)

## Hư từ

Như ta nói “lính nghĩa *quân*” hay “cháu đích *tôn*” hoặc “giấy hương *chỉ*” thì những chữ “*quân*”, “*tôn*” và “*chỉ*” là hư từ... (chữ dư thừa).

Vì “lính” đã là “quân”, cháu đã là “tôn”, và “chỉ” đã là “giấy” rồi.

(Nguyễn Ngọc Phách – Bút chiến ở miệt dưới)

## Báo bổ

Báo: trả, đền trả.

Bổ: làm việc có ích. Hàm ý trả ơn bằng cách giúp việc có lợi.

Thơ (Nguyễn Đình Chiểu?) có câu “Những mong *báo bổ* thâm ân – Hết lòng vì nước, xả thân vì nhà”.

Thế nhưng trong miền Nam gọi báo chí là... “*báo bổ*” với một nghĩa khác.

## Tiếng nói xưa và nay

Người Việt cổ sống nhờ nông nghiệp, săn bắn, hái lượm. Sau đó đưa sản phẩm đến một mảnh đất, chỗ có người ở để trao đổi.

Và gọi theo tiếng Hán là “Kỳ”.

Sau gọi là *Kê*, có nghĩa là *làng*. Như kê Mọc (làng Mọc), kê Noi (làng Cổ Nhuế), kê Mơ (làng Hoàng Mai, Thanh Mai, Bạch Mai).

Từ “kê” thường chỉ dùng trong ngôn ngữ dân gian, khi đặt tên theo đơn vị hành chính, các làng này thường được phiên âm bằng từ Hán: Cổ, Khả (Kê Lũ = Cổ Loa, Kê Lao = Khả Lao, Kê Bôn = Cổ Bôn). Sau này có tiền tệ, “kê” trở thành nơi mua bán, và dần dà được gọi là “Chợ”. Theo thời gian tồn tại phát triển được gọi là “Phường” rồi đến “Phố”.

Từ *kê* được mở rộng phạm vi, dùng để chỉ một địa bàn rộng hơn. Ví dụ: Kê Quảng (chỉ Quảng Nam, Quảng Ngãi), Kê Vĩnh (chỉ thành phố Vĩnh).

Do vậy ở miền Bắc có tên xưa cũ *Kê Chợ* (chỉ thủ đô Thăng Long) để phân biệt với Kê Sắt, Kê Lũ ở vùng quê...

## Giai thoại làng văn 1920

Chúng tôi tin là tiểu thuyết đầu tiên đã được viết ra ở miền Nam, nên rất mong được gặp Bình Nguyên Lộc, một người miền Nam, một cây bút viết truyện ngắn và tiểu thuyết nổi tiếng, đồng thời cũng là một học giả chuyên về ngôn ngữ học lịch sử. Chúng tôi đã trò chuyện với Bình Nguyên Lộc về văn học Việt Nam suốt mấy tiếng đồng hồ liền....

Hỏi ông về những cuốn tiểu thuyết mà ông đã đọc được lúc còn bé. Ông nói: "Cuốn tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên tôi đọc là một cuốn sách mà thoạt đầu cha tôi cấm không cho đọc vì cho là dâm thư, đó là cuốn *Hà Hương phong nguyệt truyện* của Lê Hoàng Mưu. Cuốn này được xuất bản vào năm 1917, và tôi tin đó cũng là cuốn tiểu thuyết được xuất bản đầu tiên của Việt Nam. Đó là một câu chuyện tình xảy ra ở miền Nam, chẳng có gì là dâm ô cả.

Cuốn tiểu thuyết kế tiếp tôi đọc được là cuốn *Chăng Cà Mum* của Nguyễn Chánh Sắt. Đây là câu chuyện về một cô gái Việt Nam sống gần biên giới Miên, bị bắt cóc đưa sang Miên một thời gian khá lâu trước khi được quay trở về Việt Nam. Cuốn này chưa được xuất bản nhưng đã được quảng bá rộng rãi trên tờ quảng cáo của một tiệm thuốc Bắc. Tiểu thuyết gia kế tiếp mà tôi đọc là Hồ Biểu Chánh. Có thể tôi cũng đã đọc một số tác giả khác ngoài Lê Hoàng Mưu và Nguyễn Chánh Sắt nhưng họ không nổi tiếng mấy và tôi cũng không nhớ được”.

Sau đó, khi đến thăm thư viện đại học Cornell, chúng tôi đã tìm ra *Hà Hương phong nguyệt truyện* - không phải in thành sách mà nằm rải rác trong các số báo *Nông cổ minh đàm*, một tờ báo ở miền Nam. Những gì Bình Nguyên Lộc kể với chúng tôi đều được kiểm chứng từ những nguồn tài liệu khác. Trí nhớ của ông về con người, tên sách và sự kiện đều rõ ràng và chính xác.

Những giáo khoa và lịch sử văn học của Dương Quảng Hàm và của Vũ Ngọc Phan đều do những người ở miền Bắc viết. Những cuốn sách này cho rằng những tiểu thuyết đầu tiên ra đời ở miền Bắc, đó là cuốn *Tố tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925) và *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (1925).

Mặc dù còn tùy thuộc vào cách hiểu thế nào là 'tiểu thuyết', công việc nghiên cứu của chúng tôi đã chứng minh là những cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã được viết ở miền Nam, và có lẽ Hồ Biểu Chánh, Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắt hay Trần Chánh Chiêu xứng đáng hơn Hoàng Ngọc Phách hay Nguyễn Trọng Thuật trong danh hiệu cây bút viết tiểu thuyết đầu

tiên ở Việt Nam. Tôi e rằng thành kiến địa phương dự phần vào việc thẩm định nên tôi muốn Bình Nguyên Lộc xác nhận sự nghi ngờ của chúng tôi.

Ông nói: "Các học giả miền Bắc như Dương Quảng Hàm đã không nhắc nhở đến các nhà tiểu thuyết miền Nam vì họ không đọc được tác phẩm của những người này chứ không phải vì họ không thích người miền Nam. Tác phẩm của người miền Nam không được bày bán ở Hà Nội cho nên họ không biết chút gì về những tác phẩm đầu tiên đã được sáng tác ở miền Nam."

(Phan Việt Thủy - Nhớ lần thăm Bình Nguyên Lộc)

### Truyện cực ngắn hay truyện chớp

Với lịch sử 200 năm truyện ngắn, ông X.J. Kennedy, trong quyển Literature thường dùng ở năm đầu của văn chương Anh Mỹ ở đại học Mỹ nhắc đến một *truyện cực ngắn* của Thomas Bailey Aldrich chỉ dài đọc có ba dòng:

*"Một thiếu phụ đang ngồi trong căn nhà cũ kỹ, đóng kín, biết rằng chỉ có mình mình trợ trợ trên thế giới này. Tất cả đều đã bị tiêu hủy. Chuông cửa reo".*

Ít người đồng ý với ông giáo sư nọ để coi đây là một truyện ngắn. Không có truyện trong đó mà chỉ là một mảnh đời. Cũng được đi, nhưng cả truyện nhìn chung không "nói" được điều gì mặc dầu ta có thể tưởng tượng được vài điều về hoàn cảnh và tâm trạng của thiếu phụ đó. Gần đây nhiều báo điện tử đưa ra thể loại "*truyện cực ngắn*" hay "*truyện chớp*"...như một hình thức viết mới.

### Văn hóa

Người Trung Hoa quan niệm văn hóa thế nào? Theo Thái Văn Kiểm, khởi thủy người Tàu không có chữ "*Văn hóa*" viết liền nhau. Trong *Kinh dịch* có câu :

Quan thiên "*văn*" dĩ sát thời biến

Quan nhân "*hóa*" dĩ thành thiên hạ

Nghĩa: Nhìn hiện tượng trên trời để xét sự biến đổi của thời tiết. Nhìn hiện tượng của người ta trong xã hội để sửa đổi thiên hạ.

*Văn* là nét vẽ thể hiện bề ngoài. *Hóa* là biến đổi cho tốt hơn. Hai chữ này không đứng chung với nhau nhưng người Tàu ghép làm một để chỉ cho văn chương và nghệ thuật.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

### Tiếng Việt vừa dễ vừa không dễ

Hỏi : Mấy chú ơi, cho Lạc hỏi, trong truyện Kiều có câu: "*Thiều quan chín chục đã ngoài sáu mươi.*" Thiều Quang là gì, và câu đó có nghĩa là gì vậy? Cám ơn các chú 😊

Đáp : Thiều quang là quang cảnh đẹp đẽ của mùa xuân hay ánh mặt trời của mùa xuân. Còn có nghĩa mùa xuân một cách chung chung. Câu trên có nghĩa mùa xuân có 90 ngày thì hôm đó đã là sáu mươi mấy ngày rồi... Có một câu khác ngay ở phía trên câu đó : "*Thanh Minh trong tiết tháng hai*" đã nói rõ cái thời điểm đó.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Ca dao

Ca dao là thơ, được gạn lọc từ thời này qua thời khác do những thi sĩ khuyết danh. Cách gieo vần hạ chữ tài tình, giàu âm thanh mộc mạc đôi khi cũng...khó hiểu, như:

*Trên trời có đám mây xanh  
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng*

....  
*Có rửa thì rửa chân tay  
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh*

Vậy chứ tại sao chỉ rửa lông mày không thôi sao lại chết cá?

Theo một vị cao niên, uyên bác ý *tại ngôn ngoại* thì nên hiểu ngầm là:

- Chớ rửa "lông" của "mày" mà chết cá ao anh!

(Nguyễn Phú Long – báo Xây Dựng)

### **Từ điển với tiếng Việt**

*Từ điển tiếng Việt* của Văn Tân, Hà Nội định nghĩa:

*Thôi* - Từ biểu thị nhấn mạnh sự miễn cưỡng đồ ý hoặc chấp nhận điều được nói đến vì người nói thấy cũng khó có ý kiến gì thêm được nữa. Thí dụ: "Cũng tốt thôi".

*(Cũng tốt thôi. Những đã "tốt" sao còn "thôi" !?)*

### **Cội nguồn tiếng Việt**

Nguồn gốc của một tiếng nói là nguồn gốc từng tiếng một cộng lại với nhau. Thí dụ vào cái chữ ở mới thôi nôi. Ta chưa phải là Ta, Tàu chưa phải là Tàu, Ta đã có chừng 27.000 tiếng Việt trong ngôn ngữ thì mỗi tiếng phải có *một nguồn gốc nào đó mà sinh ra*.

Tiếng Pháp cũng vậy, với "cái vòm", từ gốc Latin là "domus" rồi sinh ra dome, domestique, domesticite, domestiquer..v..v.. Vì nó bắt nguồn ở Âu Châu xưa (Hy Lạp/La Mã).

Tiếng Tàu không có (hay chưa tìm ra) nguồn gốc mà *chỉ có điển tích* nên họ làm tưởng là nguồn gốc. Thí dụ "hồn tinh vệ" hay "bồng lai tiên cảnh" thì bồng là gì? Lai là gì? Họ không biết!

(Trong tiếng Việt cũng có điển tích như là hồn Trương Ba, da hàng thịt, sáo đội lông công hay đầu gà đít vịt..v..v..)

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

### **Chích**

Chích: chân gà hay giò (chân cẳng)

"Chích" còn là tên riêng của một tên ăn trộm thời Xuân Thu. Vì vậy có tên "đạo *chích*", chỉ thằng ăn trộm...gà. Thế nên có câu "Chó người *đạo Chích* sủa vua Nghiêu".

### **Tiếng Việt dễ và...dễ thương**

Sự khác nhau giữa con lợn và con heo

- Miền Bắc không nuôi...*heo* nhưng lại thích "nói toạc móng heo"
- Miền Nam không thấy...*lợn* lại ưa dùng "bánh da lợn"
- Con lợn đóng phim thiếu nhi: "Hiệp sĩ lợn"

- Con heo đóng phim người lớn: "Phim con heo"
- Miền Bắc trách cô kia "béo như lợn"
- Miền Nam quở chị nọ "mập như heo"
- Miền Bắc gọi đàn ông háo sắc là lợn nọc
- Miền Nam kêu đàn bà lang chạ là heo nái

(Trau giỏi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Mẹ tròn con vuông

Tại sao mẹ tròn con vuông?

Ngày xưa người Trung Hoa nghĩ trời thì tròn đất thì vuông. Thế nên những đồng tiền bao giờ cũng tròn, cái lỗ ở giữa bao giờ cũng vuông để tượng trưng cho trời và đất.

Bánh dày, bánh chưng đời vua Hùng Vương do Tiết Liêu nấu để dâng vua cha cũng tượng trưng cho trời và đất .

(Viet Tide)

### Viễn phố

"*Gác mái ngư ông về viễn phố*", câu này của bà Huyện Thanh Quan hẳn ai cũng biết nhưng có nhiều người hiểu lầm "phố" như "phố phường".

"Phố" đây là "cửa biển". Chữ Tàu "cửa biển" viết bằng chữ phố với bộ thủy bên trái.

(Duy Lý – báo Tự Do)

### Chữ Quốc ngữ

Chữ Quốc ngữ được xuất hiện sớm nhất ở trong Nam :

- 1865-1897: Gia Định Báo, tờ công báo chữ Quốc ngữ đầu tiên xuất bản tại Sài Gòn, Trương Vĩnh Ký làm chủ bút từ năm 1869.
- 1866: Trương Vĩnh Ký cho xuất bản *Truyện Đời Xưa*.
- 1875: Xuất bản *Truyện Kiều* của Nguyễn Du do Trương Vĩnh Ký phiên âm và chú giải bằng chữ Quốc ngữ lần đầu tiên.
- 1880: Huỳnh Tịnh Của tức Paulus Của với *Chuyện Giải Bùn*.
- 1895: Huỳnh Tịnh Của xuất bản *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*. Giải thích bằng chữ Quốc ngữ và có chữ Nôm đi kèm.
- 1900: Báo Nông Cổ Mìn Đàm ra mắt tại Sài Gòn.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

### Bài thơ Thu Phong...

Bài thơ Thu Phong của Tản Đà nguyên văn:

*Ngọn gió thu phong rụng lá vàng  
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang  
Vàng bay mấy lá năm già nữa  
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng*

*Ngọn gió thu phong rụng lá hồng  
Lá rơi tường bắc, lá sang đông  
Hồng bay mấy lá năm hồ hết*

### Thơ thần kì ai vẫn đứng trong

Ấy vậy mà ông chủ bút báo bổ nào đó ở Hà Nội thời ấy cắt bém đi còn bốn câu. Chưa kể những chữ “ngọn gió”, “rụng”, “rời”, bị sửa thành “trận gió”, “rũ”, “bay” như dưới đây:

Trận gió thu phong rũ lá vàng  
Lá bay hàng xóm, lá bay sang  
Vàng bay mấy lá năm hồ hết  
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng

### Tiếng Việt toàn thể

Nói toàn thể thì lời tự không cần phải có nghĩa chính xác.

Ví dụ 1: Ta không chia *thì* nhưng nghĩa của động từ không hề mơ hồ khi dùng trong câu. Nói “Nó đi rồi” là đủ nghĩa, không cần nói “Nó đã đi rồi”, trừ khi muốn nhấn mạnh. Nói “Chừng này sang năm tôi đã ở Việt Nam” không gây hiểu lầm gì cả, không cần nói “Chừng này sang năm tôi sẽ đã ở Việt Nam”.

Ví dụ 2: Ta nói “Bạn tôi tên Hùng”, không cần nói “Bạn của tôi tên Hùng”, vì dù không có *của* thì cũng không ai hiểu lầm thành “Bạn và tôi tên Hùng” hay “Bạn hoặc tôi tên Hùng”!

(Thu Tứ - Gocnhin.net)

### Tâm chương trích cú

*Chinh phụ ngâm* bản chữ Hán có câu:

Phụ quyết hề! Cự hư  
Bão lan hề! Thố ti  
Hà nhân sinh tương viễn

“Quyết” là con đại thủ. “Cự hư” là con hươu cao cổ.

(Phụ đính: Thố: con thỏ - Ti: mặc cảm Thố ti hoa: Hoa tâm gửi)

(Hoàng Hải Thủy - Chín tầng gương báu trao tay)

### Văn minh

Văn minh là những tiến bộ kỹ thuật của con người. Người ta thường nói văn minh cơ khí, văn minh nông nghiệp để chỉ những tiến bộ về máy móc hay kỹ thuật cây cấy.

Ta thường nghe nói: “Chúng ta thua Tây phương về văn minh kỹ thuật, nhưng chúng ta hơn họ vì có một nền văn hóa lâu đời”.

Để tránh sự lẫn lộn giữa *văn minh* và *văn hóa*, chúng ta có thể tạm định nghĩa như sau: “Văn minh là một phần của văn hóa, đặc biệt là sự tiến bộ của con người trong phạm vi kỹ thuật và những cải tiến vật chất”.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

### Giọng ba miền Bắc, Trung, Nam

Giọng ba miền chẳng hẳn là dị biệt, chỉ là những sắc thái uyển chuyển do địa lý phong thủy mỗi miền. Cũng là cái mặn mà, song cái mặn mà của giọng Bắc đậm đậm như nước mắm nhĩ nguyên chất. Giọng Trung đậm đặc như thêm muối, thêm cay. Giọng Nam thì dịu dịu như nước mắm pha loãng đi và có thêm chua ngọt.

Cũng là ngọt ngào, song cái ngọt ngào giọng Bắc như của đường cát ngọt lịm, giọng Trung như mật mía ngọt sắc, giọng Nam như ngọt mát của đường phèn.

*(Phụ đính: Ông Võ Phiến cho biết “ Ta có thể chịu hưởng của Tàu về văn hóa, tập tục. Nhưng món ăn thì tuyệt đối không, mỗi mắt tìm không ra một món ăn truyền thống của Ta mà có gốc từ Tàu.*

*Vì giản dị và dễ hiểu: “ Tàu ăn xì dầu. Ta ăn...nước mắm”).*

(Đỗ Quang Vinh - Tiếng Việt tuyệt vời)

## Mã tà

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) là một nhân chứng của thời kỳ Pháp xâm chiếm Nam Kỳ. Văn thơ của ông ghi lại được nhiều sinh hoạt xã hội đương thời. Chẳng hạn như bài *Hịch sĩ phu kêu gọi chống Pháp* (vào khoảng năm 1875) có câu :

" ...Vài kẻ toan đường mại quốc, xui *mã-tà*, ma-ní, loạn Trung Hoa nên thả tượng một ngà - Giận những người bày giả danh, dối rằng Nguyễn, rằng Lê, báo thiên hạ nghĩ nên rờng năm về...".

Từ điển của Huỳnh Tịnh Của chỉ nói đến “*ma-tà*”, nghĩa là *người lính canh tuần*, tiếng Mã Lai. Năm 1931, “*mã-tà*” trở thành người lính cảnh sát ở Nam kỳ, gọi theo tiếng Mã Lai – theo *Việt Nam tự điển*, Khai Trí Tiến Đức.

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

## Truyện cực ngắn: Huyền sử

Ông X.J. Kennedy, trong quyển Literature thường dùng ở năm đầu của văn chương Anh Mỹ nhắc đến một *truyện cực ngắn* của Thomas Bailey Aldrich chỉ dài độc có ba dòng: *“Một thiếu phụ đang ngồi trong căn nhà cũ kỹ, đóng kín, biết rằng chỉ có mình mình trợ trợ trên thế giới này. Tất cả đều đã bị tiêu hủy. Chuông cửa reo”*.

Gần đây nhiều báo điện tử đưa ra thể loại truyện cực ngắn hay truyện chớp, như: *“Sử Việt cận đại: Sau khi 50 người đã lên núi, 50 người xuống biển, 50 người khác từ xứ sở xa xôi đến vùng đồng bằng bỏ hoang và sống mãi ở đó cho đến tận ngày nay”*.

*(Phụ đính: “50 người khác”, ý tác giả là...Tàu)*

## Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi: Em đọc qua một tác giả viết:

“Tôi đã bao năm sống lưu lạc theo bước chân *phù lãng nhân*. Và, hình như rất vô thường, tôi không biết từ bao giờ và vì sao đã vướng nghiệp dĩ âm nhạc và thi ca. Cõi đó như cõi *ngu lạc trường* của riêng mình....”

Dạ thưa quý thầy và quý vị tiền bối nơi đây...*“phù lãng nhân”* và *“ngu lạc trường”* nghĩa nó ra làm sao ạ?! Lạc trường thì may ra em còn ráng mà hiểu tí xíu. Đàng này máng thêm chữ *“ngu”* nữa thì em....ngu thiệt rồi 🤔

Đáp: Thầy cũng...ngu luôn.

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Phan Yên Báo

Nhiều nhà nghiên cứu đều cho rằng Phan Yên Báo viết bằng chữ Hán được xuất bản năm 1868, do ông Diệp Văn Cương chủ trương biên tập, Nguyễn Trường Tộ làm chủ nhiệm, về nội dung như Gia Định Báo lúc đầu (Số 1 ra ngày 15-4-1865).

Tờ báo này về sau bị đóng cửa, vì có những bài báo có tánh cách chánh trị, do vậy mà tờ Phan Yên Báo ngày nay không còn, cũng không rõ nó là nguyệt san hay tuần san.

Tên báo Phan Yên từ *Phiên An Trấn* là tên cũ của đất Gia Định.

(Huỳnh Ái Tông – Báo chí)

## Can qua

Can qua – Can: cái mộc để che thân khi giáp trận. Qua: cái dáo. Người xưa dùng hai vật này khi giao chiến. Sau này hai tiếng “can qua” chỉ sự việc *trải qua* cuộc chiến tranh. Kiều có câu “*Dấn mình trong đám can qua*”.

Tiếng Việt trong sáng chỉ sự việc *trải qua* là.... “*kinh qua*”.

(*Kinh thật!*)

## Đầu và đậu

Khi ta kể “*đầu* đuôi câu chuyện” hay nói “chè *đậu* đỏ, *đậu* đen”. Ít ai biết hai chữ “*đầu*” và “*đậu*” là chữ Nho đã bị nôm hóa.

Cũng bị Việt hóa như “lục tàu xá” thành “*lục đậu sa*” (chè đậu xanh) hay “ngưu đầu mã diện” là “*đầu trâu mặt ngựa*”.

(Nguyễn Ngọc Phách – Chữ Nho & đời sống mới)

## Cội nguồn tiếng Việt

Nguồn gốc của một tiếng nói là nguồn gốc từng tiếng một cộng lại với nhau. Thí dụ vào cái thưở mới thôi nôi Ta chưa phải là Ta, Tàu chưa phải là Tàu, Ta đã có chừng 27.000 tiếng Việt trong ngôn ngữ thì mỗi tiếng phải có *một nguồn gốc nào đó mà sinh ra*. và góp lại mà thấy nó quanh quất ở Đông Nam Á mà thôi thì nguồn gốc nó chính là ở Đông Nam Á.

Thí dụ Ta nói “*rộn rịp*” thì không hiểu tại sao lại nói “*ríp?*”. Trong khi người Lào, người Thái nói “*ríp*” là họ hiểu ngay là *bận rộn*.

Tôi đang *bận* – Người Thái nói “*phủm cảm lăng ríp*”.

Trong *trẻo* thì *trẻo* là trong.

Trong *veo* thì *veo* là trong suốt.

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

## Chuyện bà Hồ Xuân Hương

Một nhà thơ, nhà văn trong nước viết:

“*Hồ Xuân Hương không có. Không có Hồ Xuân Hương! Đàn bà không tả cái của đàn bà hấp dẫn như thể “Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng”, đàn ông mới nói thế.*

Và bài “*Cô gái ngủ ngày*” là đàn ông viết.

Về bài thơ *Khóc ông Phủ Vĩnh Tường* thì có người dẫn giải huyện Vĩnh Tường, thuộc Vĩnh Yên trước đó suốt đời vua Gia Long được gọi là huyện Tam Đái. Cứ theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* quyển *Sơn Tây* chép năm Minh Mạng thứ 2 thì vì chữ “Đái” thô tục nên đổi ra là Tam Đa. Mãi cho đến Minh Mạng thứ 12 vào năm 1832 mới đổi thành...”*phủ Vĩnh Tường*”.

Thời gian này thì bà Hồ Xuân Hương đã quy tiên lâu rồi.

### Giai thoại làng văn

Nói chuyện với Tố Hữu, ấn tượng khó quên nhất của tôi là ông nói liên miên, nói rất nhiều. Tôi (Nguyễn Đăng Mạnh) nhớ ông nói từ khoảng hai ba giờ chiều. Nói rất bốc. Lúc đầu còn ngồi ngay ngắn, sau co chân xếp bằng tròn trên salon. Tôi ngồi sát cạnh, thỉnh thoảng ông còn vỗ mạnh vào đùi tôi, hỏi một câu gì đó. Hỏi không phải để nghe trả lời, mà là cách gây chú ý, để nghe ông nói tiếp.

Ông nói cho đến khoảng năm giờ chiều. Anh thư kí riêng đi ra, xem đồng hồ, ý nhắc ông nghỉ cho đỡ mệt. Ông không để ý, đứng dậy bật đèn, nói tiếp.

Thực tình lúc ấy tôi mót đi tiểu quá. Ngồi ngay cạnh ông, đứng lên không tiện. Vả lại biết đi toilet ở chỗ nào! Mà cũng nghĩ ông sắp nghỉ rồi, vì trời đã muộn. Nhưng ông cứ nói, nói liên miên, nói say sưa hào hứng. Lúc đó, thực bụng tôi nghĩ:

Trên đời không có gì nhảm nhí bằng chuyện văn chương.

Chỉ có đi tiểu là quan trọng nhất.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

### Chuyện bà Triệu

Trong sử Tàu gọi bà Triệu là Triệu Ẩu.  
Ẩu tiếng Tàu là “mụ”.

Có sách còn định nghĩa “ấu” là “con đĩ” nên họ gọi là “con đĩ họ Triệu”. Sử ta cũng có nhiều sách gọi bà Triệu là...bà Triệu Ẩu.

*(Ấu thật!)*

### Chữ nghĩa thập niên 20

*Hồn mai* – Nghĩa là hồn người nằm ngủ dưới cây mai. Triệu Sử Hùng đời Tùy, một hôm đi chơi đất La Phù, khi qua rừng thì vừa gặp trời tối. Ông vào trọ một quán rượu, thấy một người con gái niềm nở mời chào, ông uống rượu say, nằm ngủ đến sáng hôm sau, khi dậy thấy mình nằm dưới một gốc cây mai lớn.

Sau trong thơ văn dùng chữ hồn mai, cũng như chữ phách quế, để nói lúc ngủ.

(Phan Mạnh Danh – Thoại Mộng Hành)

### Tiếng Việt dễ nhưng...thương không dễ

Hỏi : Em đọc một câu văn rất dễ thương, rất trữ tình:

*"...Viên-cuội-tôi lăn tròn trên bao con dốc đời, vẫn thấy cỏ dại đứng đưa trong gió, vẫn nghe côn trùng kêu da diết... Tôi như con đé trĩu rung cánh ưu phiền."*

Em chỉ nghe con đé mèn, đé nhũi....bây giờ là "đé trĩu?".

Đáp : Bộ có...*để trũi* sao?

(Phụ chú: *Để trũi, để nhũi, để dũi đều chỉ một loại để cánh ngắn, có càng trước to khỏe hay cắn phá mùa màng, cỏ cây...*)

(Trau giỏi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Tục ngữ Ta và Tàu

Trông lên thì chẳng bằng ai.  
Trông xuống thì lại chẳng ai hơn mình.

(Tỉ thượng bất túc, tỉ hạ hữu dư)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### Chữ Quốc ngữ

Tại miền Bắc, việc phổ biến chữ Quốc ngữ chậm hơn trong Nam:

- Năm 1909, Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút phần Quốc ngữ báo chữ Hán tên *Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo*. Sau đổi tên thành *Đông Cổ Tùng Báo*.
- 1913-1916, *Đông Dương Tạp Chí* tại Hà Nội do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút.
- 1917-1934, *Nam Phong Tạp Chí* do Louis Marty sáng lập. Phạm Quỳnh là chủ bút phần Việt ngữ. Nguyễn Bá Trác lo phần Hán văn. Năm 1912, có phụ trương tiếng Pháp.

Trong khi đó những người có công khai phá chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Nam kỳ thuộc địa Pháp lại có khuynh hướng trở về nguồn dân tộc bằng cách viết Truyện Kiều (Trương Vĩnh Ký) và làm tự điển bằng chữ Quốc ngữ và chữ Nôm (Huỳnh Tịnh Của).

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

### Mây trắng

*Quê ta xa mãi bên kia biển  
Chỉ thấy trời bời mây trắng vương*  
(Nguyễn Bính)

*Mây trắng* hỉ lòng nhớ cha mẹ. Tịch Địch Nhân Kiệt khi đi làm quan, một hôm ông lên núi Thái Hàng, quay lại nhìn thấy đám mây trắng lơ lửng ở phía xa. Ông ngậm ngùi nói với người chung quanh: “Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng ấy”.

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

### Truyện cực ngắn hay truyện chóp: Chì

Trong quyển Literature thường dùng ở năm đầu của văn chương Anh Mỹ nhắc đến một *truyện cực ngắn* của Thomas Bailey Aldrich chỉ dài độc có ba dòng. Gần đây nhiều báo điện tử đưa ra thể loại truyện cực ngắn hay truyện chóp, như:

Chì ước mơ kiếp sau chớ làm người, mà được làm cái thùng gạo: chỉ nằm giữa một chỗ mà chẳng mấy khi thiếu ăn.

### Văn hiến

Văn hiến là một từ của người Trung Hoa, không có từ tương đương trong tiếng Việt.

Thế kỷ 14, thời vua Trần Dụ Tông, sứ thần ta là Doãn Thuần Thâm đi sứ vì phong tục và y phục giống thời nhà Chu, nhà Tống nên được vua Minh thăng địa vị sứ thần ta trên sứ thần Cao Ly ba cấp, đồng thời tặng cho bốn chữ “*Văn hiến chi bang*”. Từ nhà Minh, ta có hai chữ “*văn hiến*”.

Vào nửa đầu thế kỷ 15, Nguyễn Trãi viết trong *Bình Ngô đại cáo* : “Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang”. Câu này được Trần Trọng Kim diễn nôm : “Như nước Việt ta từ trước vốn xưng văn hiến đã lâu”. Đây là lần đầu tiên từ “*văn hiến*” được dùng với chữ quốc ngữ. Chúng ta không thể tự xưng mình là “*dân tộc có văn hiến*” như lời của Trần Trọng Kim vì chữ “*thực vi*” của Nguyễn Trãi có nghĩa “*thực là*” hay “*đúng là*”.

Từ Trần Trọng Kim, ta “tự khoe” có “*Bốn ngàn năm văn hiến*”.

### Tiểu tự thư sinh lạc đệ thi

“Lạc đệ thi” ở đây không có nghĩa là “lạc đề thi”. *Thi* là khi, là lúc. “*Lạc đề*” là “thi hỏng”. Toàn câu có nghĩa “cười như thư sinh khi hỏng thi”. Nghĩa là cười không...vui.

Trong khi khóc như thiếu nữ về nhà chồng, khóc mà...vui.

Hai câu đi đôi với nhau là:

*Khấp như thiếu nữ vu quy nhật*

*Tiểu tự thư sinh lạc đệ thi*

(Duy Lý – báo Tự Do)

### Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Với câu ca dao:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa*

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Rõ ra phố Kỳ Lừa nào đâu có ở Đồng Đăng! Mà phố ở trong ngay tại tỉnh Lạng Sơn.

### Chữ nghĩa làng văn

Hát quan họ của Ta, người Tàu gọi là Hát Muội.

### Những nhà văn miền Nam

Theo sự tìm tòi của Nguyễn Văn Trung gần đây, bộ môn tiểu thuyết xuất hiện ở trong Nam sớm hơn ngoài Bắc chừng ba, bốn chục năm.

Vũ Ngọc Phan không hề biết những nhà văn miền Nam, ông nói về Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tồn...như những người đi tiên phong, mà không kể đến những *Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắc, Trương Duy Toản, Trần Chánh Chiếu*...v..v..

Sau lớp tiên phong, đến lớp nhà văn tiền chiến các cây bút trong Nam cũng không được chú ý bao nhiêu. Trong bộ *Nhà văn hiện đại* có 79 tác giả, gốc Nam Kỳ cũ được 4 người. Trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân có 46 tác giả, người Nam chỉ được một cặp ông bà Song Hồ (\*).

(Phụ chú: (\*) *Đông Hồ* chứ không phải *Song Hồ*)

### Cội nguồn tiếng Việt

Nguồn gốc của một tiếng nói là nguồn gốc từng tiếng một cộng lại với nhau. Thí dụ vào cái thừở mới thôi nói Ta chưa phải là Ta, Tàu chưa phải là Tàu, Ta đã có chừng 27.000 tiếng

Việt mà trong đó không có một tiếng Tàu nào xen vào. Cái tiếng mà Ta gọi là Hán Việt chỉ là những vay mượn mà qua hơn hai ngàn năm mà Ta và Tàu cứ tưởng lầm là...“của nhau”.

Sau này, Ta vay mượn khoảng 24.000 tiếng Tàu, trong kho tàng tiếng Việt tính ra chỉ có 12% là gốc Tàu và một số nguồn gốc nó là ở Đông Nam Á để có tổng cộng 270.000 tiếng cognates (chung một nguồn gốc).

Gọi là gốc Tàu vậy thôi vì chẳng qua là tiếng vay mượn như các nhà ngôn ngữ học đã xác nhận từ lâu. Trong khi dân Pháp vay mượn gốc Latin đến 70%, ngay chính họ cũng công nhận thế.

*(Phụ chú: Nhiều nhà biên khảo cho là 60% tiếng Việt gốc Tàu?!)*

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

## Phi phong

Ngân ngữ nàng mới thừa rằng  
Thối nhà băng thuyết chất hằng *phi phong*  
(Kiều - Nguyễn Du)

Rau phỉ, rau phong. Chỉ nhà nghèo ăn hai thứ rau “tập tàng” này.

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

## Trích...“Tập làm văn”

Đề tập làm văn: Miêu tả về bố.

Bố em có một hàm răng vàng, hàm răng vàng luôn chỉ bảo em những điều hay lẽ phải.

## Một lần thì kín, chín lần thì hở

Trong tiếng Việt, bên cạnh những câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen (Ví dụ: Trời nắng, cỏ gà trắng thì mưa) hoặc nghĩa bóng (Ví dụ: Gió Sơn Tây, trúc cây Hà Nội).  
Câu “*Một lần thì kín, chín lần thì hở*” có hai nghĩa đen nghĩa bóng:

Nghĩa đen: Người khéo gói một lần là kín, người vụng gói nhiều lần vẫn hở.

Nghĩa bóng: Việc làm vụng trộm nhiều lần sẽ bị phát hiện, không thể giấu giếm được.

(Phan Trọng Hoa - Tính nhiều nghĩa hay đa nghĩa của tục ngữ)

## Tiếng Việt dễ mà lại khó

Hỏi : Bác Nguyễn ơi...làm phiền bác cho em hỏi câu này bác ơi. Số là trưa nay em xem chương trình cải lương trên TV trích đoạn hát nói về Bao Công; “Người phụ nữ mù vì bị hàm oan, có kêu đưa con đi gọi Bao Công để nói chuyện. Đưa con lúc đầu không chịu đi nên người Mẹ tức giận nói câu “Ngu phu chi tử”.

Chữ Nho “*Ngu phu chi tử*” đây nghĩa là gì vậy bác? Cám ơn bác.

Đáp : Đây làm gì biết chữ nho chữ táo! 🍌

(Trau dồi tiếng Việt - DatViet.com)

## Văn chương Quốc ngữ

Năm 1887, văn chương sáng tác đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ là cuốn tiểu thuyết tâm lý ái tình *Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản chỉ có 32 trang, được nhà xuất bản Jean Linage xuất bản tại Sài Gòn.

Sau Nguyễn Trọng Quản, Lê Hồng Mưu, Nguyễn Chánh Sắt và Hồ Biểu Chánh từ năm 1912 đến 1931 có tới 18 tiểu thuyết, và *U Tình Lục* viết bằng 1790 câu thơ lục bát.

Ở ngoài Bắc, mãi đến thập niên 20 mới có những tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ. Hai tác phẩm đánh dấu cái mốc của giai đoạn này là *Quả Dưa Đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật và *Tổ Tâm* của Song An Hoàng Ngọc Phách cùng xuất hiện năm 1925.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

## Ăn vóc học hay

“Ăn vóc” có nghĩa là ăn khỏe. Thực ra, “vóc” là một từ Việt gốc Hán mà âm Hán Việt hiện đại là “úc”, có nghĩa là thơm, ngon. Vậy tất nhiên là vóc cũng có cùng nghĩa đó và “ăn vóc” có nghĩa là ăn ngon. Cũng là *úc*, còn có nghĩa là đáng đáp, dung mạo, thì người ta sẽ dễ dàng thấy rằng (ăn) vóc ~ *úc* là thơm, ngon.

Tóm lại, vóc trong “ăn vóc học hay” là một từ cổ và từ cổ này có nghĩa là thơm, ngon.

Vậy “ăn vóc học hay” không có nghĩa nào khác hơn là ăn ngon, *học giỏi*. Đây là một thành ngữ dùng để nói về những người học trò mà cái sự học xứng đáng với cái sự ăn, nghĩa là sự dùi mài kinh sử xứng đáng với sự nuôi nấng chu đáo của cha mẹ.

*(Phụ chú: Giảng nghĩa...khó hiểu thiệt !)*

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

## Sống, mái

Người Bắc gọi gà trống là gà sống. Gà *sống* là chồng gà *mái*.

Vậy mà “*một trận sống mái*” lại có nghĩa khác là “*một mất, một còn*”. Chứng tỏ ở đâu có “sống mái” là có...“một mất một còn”.

*{Biết đâu lại đúng! - Thì cũng thường thôi...}*

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

## Xa lắc...

Để tả cái xa lơ, xa lắc của Cao Bằng, một tỉnh thượng du Bắc Việt, người dân quê có câu hát:

*Cao Bằng, Cao Bằng, Cao Bằng  
Cao lên tỉnh Lạng, cao bằng ngọn tre*

Để chỉ cái không thể tưởng tượng được của một vùng đất hoang vu, hoang dã, thành ngữ có câu:

“Chó ăn đá gà ăn muối, khi *ho* cò *gáy*”

Khi mà *ho*, cò mà *gáy* thì quả tình chưa ai nghe!

## Tiếng Tàu, tiếng Việt

Nghĩa tiếng Tàu đôi khi...hiểu lầm nhau, như:

*Lang thang* với Tàu là dáng áo dài lòa xòa, phát phơ. Với Việt hiểu là...*"đi phát phơ"*.  
*Triền miên* với Tàu là quấn quýt nhau. Với Việt hiểu là...*"kéo dài mãi không dứt"*.  
*Thủy tinh* với Tàu là tinh thể silic loại tốt. *Pha lê* là tinh thể silic loại...xòang.

Với Việt thì ngược lại: Pha lê mới tốt. Thủy tinh là đồ...ve chai.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

## Ca dao và lịch sử

Qua nhiều tiểu luận, nhiều tác giả đã viết:

Khi biết Đào Duy Từ vào Nam theo chúa Nguyễn, Trịnh Tráng lên cho người mang lễ vật đến tặng Đào Duy Từ để chiêu dụ. Tương truyền còn *"làm"* bài ca dao nhắn gửi:

Trèo lên cây bưởi hái hoa  
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân  
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc  
Em có chồng anh tiếc lắm thay

Cũng qua ca dao, Đào Duy Từ thoái thác chúa Trịnh:

Bây giờ em đã có chồng  
Như chim vào lồng, như cá cắn câu  
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ  
Chim vào lồng biết thuở nào ra

Nhưng theo một tài liệu khác thì để thoái thác, Đào Duy Từ nhớ đến tích đời Đường có Trương Tịch và Lý Sư Đạo có hoàn cảnh tương tự như vậy. Trương Tịch làm bài thơ *Tiết phụ ngâm* trả lời câu có câu đầu: "Quân tri thiếp hữu phu" (*Em có chồng, chàng đã biết*) và câu chót là: "Hận bất tương phùng vị giả thi" (*Phải chi gặp gỡ lúc chưa chồng*). Nên đối đáp với tích trên, không là...ca dao!

## Chữ nghĩa tiếng Việt

Thời nhà Nguyễn có cuộc di dân, họ mang tiếng "vào"...vào miền Nam. Tiếng "vào", người miền Bắc vay, mượn thổ ngữ của người Mán, Mèo thượng du Bắc Việt. Người trong Nam kêu là "vô" (âm ngữ miền Nam đọc là "dô").

Hiểu theo nghĩa là người miền Nam vẫn hoài cổ, vẫn giữ cổ ngữ Việt mà họ đã gồng gánh mang theo trong cuộc di dân.

## Kỳ phùng địch thủ

Nghĩa là hai đối thủ tương đương với nhau.  
Chữ "kỳ" đây trong tiếng Hán viết như kỳ trong "tượng kỳ" (cờ tướng) và "phùng" là gặp nhau. "Kỳ phùng" là cuộc gặp gỡ lạ thường, khác thường.

Khởi thủy "kỳ phùng địch thủ" chỉ cho hai tay đánh cờ tướng với nhau không mà thôi.

(Duy Lý – báo Tự Do)

## Truyện cực ngắn hay truyện chớp: Thổi sáo

Từ đó về sau, mỗi lần làm tình với chồng, My Nương lại nhớ tiếng sáo của Trương Chi.

### Mua vui cũng được một vài trống canh

Câu thơ trên không hẳn để chỉ cho *Truyện Kiều* với Nguyễn Du, mà phần lớn các truyện Nôm tại Việt Nam đều kết thúc bằng ý thơ tương tự.

Trong *Nhị độ mai*: "Biết bao lời kịch tiếng quê / Thôi thôi bất quá là nghề mua vui."

Trong *Bích câu kỳ ngộ*: "Cũng xin góp một hội cười / Cùng mua mấy trống canh vui gọi là".

Trong *Phù dung tân truyện*: "Lời quê chấp chảnh nên câu / Chép làm một truyện để sau mua cười."

(Nguyễn Hưng Quốc – Tâm sự...phê bình)